TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2025/HS-ST Ngày 04 - 9 - 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Chí K, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2001; nơi sinh: Huyện Gi, Kiên Giang; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là: ấp T, xã T, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí A, và bà Đinh Thị Ngọc H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 30 tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*:

1. Lê Thị Kim P, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4. Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Nguyễn Quốc V, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 2003
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

5. Huỳnh Thanh T2, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

6. Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1973
Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

7. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977
Địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

8. Võ Thị Kim T4, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

9. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp C, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

10. Danh M, sinh năm 2000
Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

11. Nguyễn Thị Bích P1, sinh năm 1965
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2023, bà Lê Thị Kim P quen biết với Nguyễn Chí K thông qua bà Nguyễn Thị N, K là giới thiệu bản thân có khả năng làm thủ tục, hồ sơ đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc. K hứa hẹn sẽ thực hiện các thủ tục, hồ sơ cho bà P và 10 người khác (thông qua bà P) gồm: Nguyễn Quốc V, Huỳnh Thị Minh T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị L1, Huỳnh Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Văn Đ, Võ Thị Kim T4, Nguyễn Văn N1 và Danh M với chi phí từ 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng/người, hẹn đến tháng 03 năm 2024 sẽ hoàn thành hồ sơ. Khi đến hẹn, K tiếp tục kêu bà P đợi đến tháng 5 năm 2024 sẽ hoàn thành hồ

sơ. Với thủ đoạn trên, từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 05 năm 2024, lợi dụng sự tin tưởng của bà P, K nhiều lần yêu cầu bà P chuyển tiền đến các tài khoản số 060266917255 và 060267084656 tên Nguyễn Chí K mở tại Ngân hàng S để làm thủ tục hồ sơ, bà P đã sử dụng số tài khoản Ngân hàng 7003205047948 tên Lê Thị Kim P mở tại Ngân hàng A1 chi nhánh V1 để thực hiện chuyển tiền 20 lần vào các tài khoản ngân hàng của K với tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, K không liên hệ với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào để thực hiện thủ tục, hồ sơ như thỏa thuận. Khi đến thời hạn thỏa thuận, K tiếp tục hẹn đến tháng 08 năm 2024 mới hoàn thành hồ sơ, bà P không đồng ý nên đến nhà K thì biết được K đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Do không liên lạc được với K nên bà P trình báo sự việc đến Công an xã T, tỉnh Hậu Giang (nay là Công an xã T, thành phố Cần Thơ).

Quá trình điều tra, K khai nhận cũng với thủ đoạn nêu trên, K còn nhận tiền của 03 người khác gồm: Bà Nguyễn Thị N 6.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ánh L 3.000.000 đồng và ông Nguyễn Hoàng Â 5.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Chí K đã chiếm đoạt là 130.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xanh, đã qua sử dụng, có sim số 0939.505.200, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Chí K.

Trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Bích P1 (mợ của K) đã trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS-KV13 ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ, đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Chí K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Chí K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền còn lại là 60.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Đã trao trả cho chủ sở hữu xong nên đề nghị thông qua.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo và bà Nguyễn Thị Bích P1 (Mợ của bị cáo) trả thêm cho bị hại Lê Thị Kim P số tiền là 6.000.000 đồng; trả xong cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền là 6.000.000 đồng; trả xong cho bị hại Nguyễn Thị Ánh L số tiền là 3.000.000 đồng; trả xong cho bị hại Nguyễn Hoàng Â số tiền là 5.000.000 đồng.

- Các bị hại:

Bà Lê Thị Kim P trình bày đã trả xong toàn bộ số tiền đã nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thừa nhận đã được gia đình bị cáo trả trước 50.000.000 đồng, tại phiên tòa trả thêm 6.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng yêu cầu bị cáo trả lại cho bà; về trách nhiệm hình sự: Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị N thừa nhận đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 6.000.000 đồng tại phiên tòa nên không yêu cầu thêm; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Nguyễn Thị Ánh L thừa nhận đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng tại phiên tòa nên không yêu cầu thêm; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Nguyễn Hoàng Â thừa nhận đã được gia đình bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng tại phiên tòa nên không yêu cầu thêm; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa là Nguyễn Quốc V, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị L1, Huỳnh Thanh T2 và Huỳnh Thanh T3 đều thừa nhận đã được bị hại Lê Thị Kim P trả lại toàn bộ số tiền đã đưa cho bị hại Lê Thị Kim P nên không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đã có cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Chí K mặc dù không biết, không có khả năng làm thủ tục, hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho người khác, nhưng bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại Lê Thị Kim P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Hoàng Â, giới thiệu bản thân có khả năng làm thủ tục, hồ sơ đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc. Đồng thời thông qua bị hại P, bị cáo còn hứa hẹn sẽ làm thủ tục, hồ sơ đi lao động thời vụ cho 10 người khác gồm: Nguyễn Quốc V, Huỳnh Thị Minh T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị L1, Huỳnh Thanh T2, Huỳnh Thanh T3, Nguyễn Văn Đ, Võ Thị Kim T4, Nguyễn Văn N1 và Danh M với chi phí từ 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng/người và hẹn đến tháng 03 tháng 2024 sẽ hoàn thành hồ sơ. Với thủ đoạn trên, từ khoảng tháng 12 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024, bị cáo đã nhận của các bị hại số tiền là 130.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, bị cáo đã bỏ trốn để chiếm đoạt và không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại.

Hành vi trên của bị cáo là lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân để đưa ra thông tin gian dối là có khả năng làm thủ tục, hồ sơ cho người khác đi xuất khẩu lao động thời vụ tại Hàn Quốc, làm cho các bị hại tin tưởng và tự nguyện giao tài sản cho bị cáo, sau khi nhận được tài sản thì bị cáo bỏ trốn để chiếm đoạt, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho các bị hại. Hành vi của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, với định lượng tài sản bị cáo đã chiếm đoạt trị giá 130.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với tình tiết định khung tăng nặng là "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Bản thân bị cáo mặc dù không có khả năng làm thủ tục, hồ sơ cho người khác đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Nhưng sau khi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã sử dụng phương thức, thủ đoạn là tự gới thiệu bản thân có khả năng làm thủ tục, hồ sơ cho người khác đi xuất khẩu lao động thời vụ tại Hàn Quốc, đồng thời hứa hẹn thời gian hoàn tất thủ tục hồ sơ, nhằm làm cho các bị hại tin tưởng. Do tin tưởng bị cáo, các bị hại đã tự nguyện giao tài sản cho bị cáo để làm hồ sơ, thủ tục. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt, dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại. Với phương thức, thủ đoạn trên, bị cáo đã chiếm đoạt của các bị

hại tổng số tiền là 130.000.000 đồng; cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương; phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác trên 02 lần, mỗi lần thực hiện hành vi đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại; có thân nhân là người có công với cách mạng; tại phiên tòa, các bị hại Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Hoàng Â cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo; xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét bị cáo phạm tội có tính chất, mức độ thuộc trường hợp nghiêm trọng, đồng thời bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt; được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 130.000.000 đồng, trong đó: Chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Kim P 116.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị N 6.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Ánh L 3.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Hoàng Â 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, gia đình bị cáo đã trả lại cho bị hại Lê Thị Kim P 56.000.000 đồng; tại phiên tòa đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ánh L và Nguyễn Hoàng Â. Do đó, bị cáo còn phải trả thêm cho bị hại Lê Thị Kim P số tiền là 60.000.000 đồng.

[8] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu xanh, đã qua sử dụng và sim số 0939.505.200 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí K 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Chí K có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Chí K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo, các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- CA TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06, PC10);
- VKSND Khu vực 13 - Cần Thơ
- THADS thành phố Cần Thơ;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng